

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST  
Ngày: 28-6-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Võ Thị Tổng.

Ông Nguyễn Văn Độ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Danh T, sinh năm 1990 tại Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh K; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh R và bà Thị N; bị cáo có vợ là Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 14 tháng 11 năm 2022 cho đến nay, có mặt.

***- Bị hại:*** Ông Lê Hoài P, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Vĩnh A, xã Vĩnh B, huyện G, tỉnh K, vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10 tháng 5 năm 2020, Danh T và vợ là Thị V đến phòng trọ cuối ô 44, lô D25, Đường N14-5D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh D của ông Lê Văn S để uống bia cùng với Mai Thị Q, Lê Hoài P và một số người khác. Trong khi uống rượu bị cáo Danh T và ông P có xảy ra mâu thuẫn

về việc ông P có hành động “vỗ mông” vợ của bị cáo T là Thị V và hai người đã lớn tiếng cãi nhau. Bị cáo T lấy vỏ lon bia ném vào người ông P, mọi người can ngăn, chửi và đuổi bị cáo T đi về. Bị cáo T bỏ về ki-ốt của mình thì một lúc sau quay lại phòng trọ của ông S và cầm theo một con dao (loại dao chặt xương), có kích thước dài khoảng 40cm, rộng 15cm cán bằng gỗ, đầu dao bằng có một cạnh sắc, một cạnh tù lao vào chém ông P gây thương tích (một vết thương tại cánh tay phải, một vết thương tại cổ tay phải và một vết thương tại cẳng chân phải) rồi bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau đó, ông P được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 11 tháng 5 năm 2020, vợ ông P là chị Phan Thị Thu T đã đến Công an trình báo vụ việc. Sau khi tiếp nhận tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng tiến hành xác minh điều tra theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi gây án xong bị cáo Danh T mang theo hung khí (là một con dao loại chặt xương) bỏ trốn trên đường đi đã vút vào bụi cây nhưng không nhớ rõ địa điểm cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không tiến hành thu giữ được.

Ngày 14 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 01 với lý do bị cáo Danh T đã bỏ trốn. Ngày 14 tháng 01 năm 2022, Công an xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã bắt bị cáo Danh T theo lệnh truy nã. Ngày 17 ngày 01 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo Danh T thừa nhận hành vi dùng dao (loại dao chặt xương), có kích thước dài khoảng 40cm, rộng 15cm cán bằng gỗ, đầu dao bằng có một cạnh sắc, một cạnh tù gây thương tích cho ông Lê Hoài P.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Danh T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Danh T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Đối với con dao mà T dùng đánh ông P, sau khi gây án bị cáo T đã mang theo bỏ trốn khỏi hiện trường. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đến hiện trường nơi xảy ra vụ án nhưng không thu giữ được.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 304/2020/GĐPY ngày 27 tháng 7 năm 2020, Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Vết thương 1/3 giữa mặt trước ngoài cánh tay phải hình vòng cung 6 x 1 cm, sọc lành; Vết thương bờ ngoài cổ tay phải 3.5 x 0.3cm, gãy đầu dưới xương quay, gãy nát đầu gần của xương thuyền, đứt gân duỗi các ngón, đứt gân duỗi ngón I, gân duỗi cổ tay quay dài và ngắn, đã phẫu thuật kết hợp xương thuyền, xương quay, khâu nối gân, 03 vết mổ cổ tay phải 6 x 0.3 cm, 8.5 x 0.4 cm, 4 x 0.1 cm, sọc lành; vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải hình gấp khúc 7.6 x 0.4 cm, vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải hình gấp khúc 7.6 x 0.4, sọc

lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 24% (hai mươi bốn phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và truy tố, bị hại ông Lê Hoài P yêu cầu bị cáo Danh T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSNDDBB ngày 12 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Danh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về mức hình phạt: đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Danh T mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Danh T đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Hoài P số tiền 50.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Danh T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Hoài P số tiền 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với con dao mà bị cáo T dùng đánh bị hại P, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đến hiện trường nơi xảy ra vụ án nhưng không thu giữ được nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, luận tội của Viện Kiểm sát, bị hại vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi gây thương tích cho người khác của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Danh T đã khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10 tháng 5 năm 2020, Danh T đến phòng trọ của Lê Văn S tại đường N14-5D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh D. Tại đây, bị cáo Danh T đã có hành vi dùng dao (loại dao chặt xương), có kích thước dài

khoảng 40cm, rộng 15cm cán bằng gỗ, đầu dao bằng có một cạnh sắc, một cạnh tù lao vào chém ông P 03 lần (một vết thương tại cánh tay phải, một vết thương tại cổ tay phải và một vết thương tại cẳng chân phải) gây thương tích cho ông Lê Hoài P với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 24%. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Danh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc dùng dao gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Hậu quả là bị cáo đã làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24%. Bị cáo dùng con dao chặt xương là hung khí nguy hiểm. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không phù hợp vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo là người dân tộc thiểu số, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: qua xem xét các yêu cầu của bị hại và ý kiến của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: bị hại P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại P. Xét sự tự nguyện bồi thường của bị cáo T là hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bị cáo T dùng một con dao (loại dao chặt xương), có kích thước dài khoảng 40cm, rộng 15cm cán bằng gỗ, đầu dao bằng có một cạnh sắc, một cạnh tù lao vào chém ông P gây thương tích (một vết thương tại cánh tay phải, một vết thương tại cổ tay phải và một vết thương tại cẳng chân phải). Lời khai của bị cáo T và lời khai của bị hại P phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương

tích về cơ chế hình thành vết thương “*Vết thương mặt trước 1/3 giữa cánh tay phải: chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau chệch từ phải sang trái, bờ tương đối gọn, khả năng do vật sắc; vết thương bờ ngoài cổ tay phải: chiều nằm ngang, hướng từ phải sang trái, bờ sắc nhọn, khả năng do vật sắc; Vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải: chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra*”. Vì vậy, vật chứng của vụ án là con dao mà bị cáo T dùng chém bị hại P, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra đến hiện trường nơi xảy ra vụ án nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo Danh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Danh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 01 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Danh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Hoài P số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: bị cáo Danh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**